

KT3-05932ATP1/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

01/11/2021
Trang 01/02

1. Tên mẫu : **BỘT NGŨ CỐC DINH DƯỠNG 22+ COMPLETE NUTRIMIX – ORGANIC AVOCADO**
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu (1713/N3.21/ĐG/PT).
3. Số lượng mẫu : 01
4. Ngày nhận mẫu : 21/10/2021
5. Thời gian thử nghiệm : 22/10/2021 - 01/11/2021
6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VIỆT HÂN**
25/17/15A Cửu Long, Phường 2, Quận Tân Bình,
TP. Hồ Chí Minh
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 02/02

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phản bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-05932ATP1/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

01/11/2021
 Trang 02/02

7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo	Kết quả thử nghiệm
7.1. Hàm lượng chì, mg/kg	QTTN/KT3 098:2016 (Ref: AOAC (999.11))	$3,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện
7.2. Hàm lượng cadimi, mg/kg	QTTN/KT3 098:2016 (Ref: AOAC (999.11))	$3,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện
7.3. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg	TCVN 8427:2010	-	$4,78 \times 10^{-2}$
7.4. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg	QTTN/KT3 064:2016 (Ref: AOAC (971.21))	$1,50 \times 10^{-2}$	Không phát hiện
7.5. Hàm lượng thiếc, mg/kg	QTTN/KT3 162:2017 (Ref: AOAC (985.16))	2,0	Không phát hiện
7.6. Hàm lượng aflatoxin B ₁ , µg/kg	TCVN 7596:2007	0,75	Không phát hiện
7.7. Hàm lượng aflatoxin tổng (B ₁ +B ₂ +G ₁ +G ₂), µg/kg	TCVN 7596:2007	0,75	Không phát hiện
7.8. Hàm lượng ochratoxin A, µg/kg	QTTN/KT3 223:2018 (Ref: AOAC (2000.03))	0,3	Không phát hiện
7.9. Hàm lượng fumonisin (FB1+FB2), µg/kg	QTTN/KT3 161:2017	25	Không phát hiện
7.10. Hàm lượng deoxynivalenol (DON), µg/kg	QTTN/KT3 089:2018 (LC/MS/MS)	20	Không phát hiện
7.11. Hàm lượng zearalenone, µg/kg	QTTN/KT3 224:2018 (Ref: TCVN 9591:2013)	15	Không phát hiện
7.12. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, CFU/g	ISO 4833-1:2013	-	$1,2 \times 10^2$
7.13. Coliform, CFU/g	ISO 4832:2006	-	Nhỏ hơn $10^{(*)}$
7.14. <i>Escherichia coli</i> , MPN/g	ISO 16649-3:2015	-	0
7.15. <i>Staphylococcus aureus</i> , CFU/g	AOAC 2016 (975.55)	-	Nhỏ hơn $10^{(*)}$
7.16. <i>Clostridium perfringens</i> , CFU/g	ISO 7937:2004	-	Nhỏ hơn $10^{(*)}$
7.17. <i>Bacillus cereus</i> giả định, CFU/g	ISO 7932:2004	-	Nhỏ hơn $10^{(*)}$
7.18. Tổng số nấm men và nấm mốc, CFU/g	ISO 21527-2:2008	-	Nhỏ hơn $10^{(*)}$
7.19. Hàm lượng Methyl Bromide, mg/kg	QTTN/KT3 291:2021 (GC – MS)	0,005	Không phát hiện

Ghi chú: (*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

Số: 01713-2/N3.21/DG

Ngày: 05/11/2021

THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

1. Đơn vị yêu cầu : Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Việt Hân
2. Tên mẫu theo khai báo : Bột ngũ cốc dinh dưỡng 22+ Complete Nutrimix – Organic Avocado
3. Số lượng mẫu : 01
4. Ngày nhận mẫu : 15/10/2021
5. Nội dung giám định : Giám định các chỉ tiêu an toàn theo yêu cầu khách hàng
6. Căn cứ giám định :
 - 6.1) QCVN 8-1:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
 - 6.2) QCVN 8-2:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
 - 6.3) Thông tư số 50/2016/TT-BYT – Thông tư quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.
 - 6.4) Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT – Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.

7. KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

7.1) Mô tả mẫu:



- Ngày sản xuất: 23/08/2021
- Hạn sử dụng: 23/08/2023

7.2) Kết quả chi tiết: (Xem trang 2/2)

8. Kết luận: Mẫu giám định có kết quả nêu tại mục 7.2 phù hợp với yêu cầu nêu tại mục 6.

Ghi chú: Thông báo này chỉ có giá trị cho mẫu nêu trên.

GIÁM ĐỊNH VIÊN



Dương Thị Phương Thảo

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thái Hùng

7. KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

7.2) Kết quả chi tiết:

Stt	Tên chỉ tiêu	Kết quả	Yêu cầu nêu tại mục 6
1	<i>Vi sinh vật</i>		
	- Tổng số vi sinh vật hiếu khí, CFU/g	$1,2 \times 10^2$	$\leq 10^4$
	- Coliforms, CFU/g	$< 10^{(*)}$	≤ 10
	- Escherichia coli, MPN/g	0	≤ 3
	- Staphylococcus aureus, CFU/g	$< 10^{(*)}$	≤ 10
	- Clostridium perfringens, CFU/g	$< 10^{(*)}$	≤ 10
	- Bacillus cereus, CFU/g	$< 10^{(*)}$	≤ 10
	- Tổng số nấm men, nấm mốc, CFU/g	$< 10^{(*)}$	$\leq 10^2$
2	<i>Kim loại nặng</i>		
	- Hàm lượng chì (Pb), mg/kg	Không phát hiện ^(a)	$\leq 3,0$
	- Hàm lượng cadimi (Cd), mg/kg	Không phát hiện ^(a)	$\leq 1,0$
	- Hàm lượng asen (As), mg/kg	0,05	$\leq 1,0$
	- Hàm lượng thủy ngân (Hg), mg/kg	Không phát hiện ^(b)	$\leq 0,1$
	- Hàm lượng thiếc (Sn), mg/kg	Không phát hiện ^(c)	≤ 250
3	<i>Độc tố vi nấm</i>		
	- Hàm lượng aflatoxin tổng, $\mu\text{g/kg}$ (B1+B2+G1+G2)	Không phát hiện ^(d)	≤ 4
	- Hàm lượng aflatoxin B1, $\mu\text{g/kg}$	Không phát hiện ^(d)	≤ 2
	- Hàm lượng ochratoxin A, $\mu\text{g/kg}$	Không phát hiện ^(e)	≤ 3
	- Hàm lượng deoxynivalenol, $\mu\text{g/kg}$	Không phát hiện ^(f)	≤ 750
	- Hàm lượng zearalenone, $\mu\text{g/kg}$	Không phát hiện ^(g)	≤ 75
	- Hàm lượng fumonisin (FB1+FB2), $\mu\text{g/kg}$	Không phát hiện ^(h)	≤ 1000
4	Hàm lượng methyl bromide, mg/kg	Không phát hiện ⁽ⁱ⁾	$\leq 0,01$

(*) Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.

Giới hạn phát hiện: (a) 0,03 mg/kg; (b) 0,015 mg/kg; (c) 2,0 mg/kg; (d) 0,75 $\mu\text{g/kg}$; (e) 0,3 $\mu\text{g/kg}$;

(f) 20 $\mu\text{g/kg}$; (g) 15 $\mu\text{g/kg}$; (h) 25 $\mu\text{g/kg}$; (i) 0,005 mg/kg.